

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2024/HS-ST
Ngày 28 - 8- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Hội.
- Bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2024/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/02/1986. Nơi sinh: huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản CX, xã CC, huyện SM, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lường Văn P, sinh năm 1960, con bà Lường Thị B (đã chết), có vợ là Lò Thị V và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số: 243/2008/HSST ngày 05/12/2008 (Đã xóa án tích).

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu từ ngày 04/5/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trung D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/12/1979. Nơi sinh: huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản TN, xã CK, huyện SM, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Nguyễn Quang V, sinh năm 1955, con bà Dương Thị L (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn), Lò Thị P (đã ly hôn) và Đặng Thị H và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân T phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng, phạt bổ sung 1.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo bản án số: 07/2018/HSST ngày 22/01/2018 (Đã xóa án tích).

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu từ ngày 04/5/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Lù Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/5/1992. Nơi sinh: huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: X 2, xã MG, huyện QN, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lù Văn P, sinh năm 1963, con bà Bạc Thị H, sinh năm 1965, có con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu từ ngày 08/4/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. Lò Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/8/1993. Nơi sinh: huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản BL, xã CC, huyện SM, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lò Văn K, sinh năm 1970, con bà Lò Thị B, sinh năm 1973, có vợ là Tòng Thị T và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số: 87/2014/HSST ngày 28/5/2014 (Đã xóa án tích).

Hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mộc Châu từ ngày 08/4/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Hữu B, sinh năm 1977, trú tại Bản QT, xã CS, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 07/4/2024 tổ công tác Công an huyện Mộc Châu, phối hợp với Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại tiểu khu 14 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 26C - 100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 88R - 008.82 do Lò Văn T điều khiển trên xe có Lò Văn H đang đi theo hướng Sơn La - Hà Nội phát hiện Lò Văn T và Lò Văn H cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ 01 T nilon màu xanh bên trong đựng các viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên có ký hiệu WY (Lò Văn T và Lò Văn H khai nhận đó là ma túy) vừa mua của Nguyễn Trung D và Lương Văn T với giá 3.000.000 đồng để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định và tạm giữ 01 chiếc xe ô tô BKS 26C - 100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 88R - 008.82 cùng các giấy tờ liên quan và 02 chiếc điện thoại di động.

Ngày 08/4/2024 tại Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh lấy mẫu trưng cầu giám định: Các viên nén thu giữ có 101 viên nén màu hồng có khối lượng 10,39 gam lấy 05 viên có khối lượng 0,45 gam làm mẫu giám định. Kết quả giám định là ma túy; loại *Methamphetamine*.

Mở rộng điều tra, tổ công tác tiến hành khH tố, bắt tạm giam đối với Nguyễn Trung D và Lương Văn T. Qua trình điều tra Lò Văn T, Lò Văn H, Nguyễn Trung D và Lương Văn T khai nhận: Bản thân đều nghiện chất ma túy, T và H đang lái xe thuê cho Dương Hữu B, sinh năm 1977, trú tại bản QT, xã CS, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Sáng ngày 07/4/2024 T gọi điện cho D hỏi mua 01 T ma túy loại Hồng phiến. D gọi điện thoại cho Lương Văn T hỏi T có người muốn mua một T hồng phiến, T nhận lời thống nhất với giá 2.700.000 đồng, D nói lại với người mua ma túy là giá mua một T hồng phiến là 2.700.000 đồng, sau khi nhận tiền T sẽ cho D 300.000 đồng. Sau đó D gọi điện thoại cho T báo giá một T hồng phiến là 3.000.000 đồng. T đồng ý mua, D gửi tin nhắn số điện thoại và số tài khoản của T cho T và bảo T liên hệ trực tiếp và lấy ma túy với T. Sau đó T gọi điện thoại cho T và chuyển qua tài khoản số tiền 3.000.000 đồng cho T, hai người thống nhất việc giao nhận ma túy ở gần Quốc lộ 4G thuộc bản Trại Phong, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Sau khi thống nhất việc mua bán ma túy với D và T, T thuê xe ôm của một người không quen biết đến bản Khua Họ, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết một T hồng phiến với giá 2.400.000 đồng và 01 gói Heroine với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T chia ra T 02 gói trong đó có một gói chứa

Heroine và 05 viên hồng phiến mục đích mang về để sử dụng cho bản thân và trả công cho D và một T chứa các viên hồng phiến để bán cho T, sau đó T gọi điện thoại cho T và biết T đang chờ ở địa điểm hẹn trước nên T đi xe ôm đến điểm hẹn, T đi đến ném T nilon đựng hồng phiến vào ca bin xe ô tô của T. Sau khi giao ma túy cho T xong, T về nhà lấy một ít trong gói chứa Heroine và 05 viên hồng phiến ra sử dụng hết, số Heroine còn lại T gói lại như cũ rồi gọi điện cho D đến lấy. Đến khoảng 14 giờ chiều cùng ngày, D đi đến nhà T và hỏi T tiền công bán ma túy cho T, T nói là trả công cho D 300.000 đồng và quy đổi 300.000 đồng đó ra gói Heroine rồi đưa gói Heroin cho D. Sau khi nhận ma túy D đi vào bụi cây ven đường sử dụng hết.

T nhận gói ma túy của T giao và cất vào trong xe ô tô BKS: 26C-100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS: 88R-008.82 rồi điều xe đến đón H để đi đến tỉnh Phú Thọ bốc hàng. Khi H lên xe, T bảo với H là đã mua được 3.000.000 đồng ma túy để ai mua sẽ bán và sử dụng. Khi đến xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, T bảo H lấy ra 30 viên trong T ra để bán lẻ. H mở T ma túy ra lấy 30 viên hồng phiến gói vào mảnh giấy rồi cất số ma túy còn lại vào vị trí cũ. T gọi điện cho một người tên Tùng nhà ở Mai Sơn để bán 30 viên hồng phiến và hẹn địa điểm giao ma túy tại đầu đường đôi T phố Sơn La. Khi xe ô tô của T và H đến chỗ hẹn, Tùng lên xe ô tô gặp T, sau đó T bảo H đưa cho Tùng số ma túy đã chuẩn bị từ trước. T bán ma túy cho Tùng với giá 500.000 đồng, do trước đó T nợ tiền Tùng nên đã thỏa thuận trừ vào tiền nợ. Sau đó T điều khiển xe ô tô chở H đến tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu thì gặp tổ công tác Công an huyện Mộc Châu phối hợp lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện, thu giữ gói ma túy T và H đang cất giấu trên xe ô tô và các vật chứng nêu trên.

Do các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số: 140/CT-VKS, ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Lương Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lù Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 08 năm đến 09 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng phong bên trong đựng 01 T nilon màu xanh đựng 96 viên nén màu hồng và bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì bên trong đựng Test thử ma túy và 03 sim số 0967.155.046, 0966.202.096 và 0869.808.528.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động; truy thu số tiền số tiền 300.000 đồng của Lường Văn T và 500.000 đồng của Lù Văn T. Trả lại cho Lò Văn H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X.

Ghi nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu trao trả chiếc xe ô tô BKS: 26C-100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS: 88R-008.82 và các giấy tờ liên quan cho anh Dương Hữu B quản lý, sử dụng.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trung D, Lù Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Miễn án phí cho các bị cáo Lường Văn T, Lò Văn H.

Các bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu B, tuy nhiên ông Dương Hữu B đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo. Xét thấy sự vắng của ông Dương Hữu B không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu và khẳng định lời khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn tự nguyện đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 40 phút ngày 07/4/2024 của Công an huyện Mộc Châu, lời khai người làm chứng, biên bản nhận dạng, biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định số 866 ngày 12/4/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/4/2024 trên đường lái xe ô tô BKS: 26C-100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS: 88R-008.82 đi tỉnh Phú Thọ bốc hàng Lù Văn T hỏi và mua được qua Nguyễn Trung D với Lường Văn T 01 T ma túy với giá 3.000.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời, trên đường đi đã cùng với Lò Văn H bán 30 viên ma túy cho người tên Tùng với giá 500.000 đồng số còn lại khi đang cất giấu trên xe ô tô thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Lường Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố Lường Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Lường Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H: Bị cáo mua bán với khối lượng ma túy 10,39gam nên vi phạm tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp “*Heroin... Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Lường Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H phạm tội trong trường hợp đồng phạm, do đó khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo. Phân hóa vai trò của các bị cáo xét thấy bị cáo Lù Văn T là người KH xướng, bỏ tiền mua ma túy, các bị cáo Nguyễn Trung D, Lường Văn T đã tìm

mua và bán ma túy cho T để được hưởng lợi mỗi người 300.000 đồng và ma túy sử dụng, bị cáo Lò Văn H cùng với T bán 30 viên ma túy số còn lại để cùng nhau sử dụng nên đồng phạm với vai trò thực hành.

[4] Xét về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng mặc dù nhận thức được mọi hành vi mua bán trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy. Các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Trung D và Lò Văn H đã từng có tiền án (đã được xóa án tích) về các tội Trộm cắp tài sản, Đánh bạc và tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay tiếp tục phạm tội mới. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, cần xử lý nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, tuy nhiên khi lượng hình cần cân nhắc quá trình điều tra tại phiên tòa các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H còn tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, điều tra nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Trung D có bố đẻ là Nguyễn Quang Vinh được tặng thưởng Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng nhì, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung (*phạt tiền*): Xét thấy qua xác minh các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, là đối tượng nghiện chất ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phong bì đựng phong bên trong đựng 01 T nilon màu xanh đựng 96 viên nén màu hồng và bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì bên trong đựng Test thử ma túy vfa 03 sim điện thoại là vật không có giá trị sử dụng, nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động tịch thu của các bị cáo Lù Văn T, Nguyễn Trung D và Lương Văn T đây là điện thoại các bị cáo sử dụng liên lạc trong việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Lò Văn H đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 300.000 đồng Lương Văn T được hưởng lợi từ việc mua bán ma túy và số tiền 500.000 đồng bị cáo Lù Văn T bán ma túy cho người tên Tùng đây số tiền phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc xe ô tô BKS: 26C-100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS: 88R-008.82 là tài sản của Dương Hữu B, thuê Lù Văn T lái để vận tải hàng hóa. Việc Lù Văn T thực hiện hành vi mua, bán ma túy, Ban không biết và không liên quan. Ngày 25/4/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã ra quyết định trao trả cho Dương Hữu B chiếc xe và giấy tờ liên quan là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, nên cần ghi nhận.

[8] Về nguồn gốc chất ma túy: Đối với người đàn ông tên Tùng đã mua ma túy của Lù Văn T, người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho Lương Văn T và người đàn ông đã chở Lương Văn T đi mua ma túy, quá trình điều tra không xác minh được lai lịch, địa chỉ, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không có căn cứ để điều tra, làm rõ nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

- Thời hạn tạm giam của các bị cáo Lương Văn T và Nguyễn Trung D còn dưới 45 ngày, nên Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Bị cáo Lù Văn T và Lò Văn H thời hạn tạm giam còn trên 45 ngày, nên Hội đồng xét xử không ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lương Văn T, Lò Văn H là người dân tộc thiểu số cư trú thuộc vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa các bị cáo đề nghị HĐXX xin được miễn án phí nên cần miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Nguyễn Trung D, Lù Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Trung D, Lù Văn T và Lò Văn H phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2024.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2024.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lù Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2024.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Vật chứng: Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng phong bên trong đựng 01 T nilon màu xanh đựng 96 viên nén màu hồng và bì niêm phong ban đầu; 04 phong bì bên trong đựng Test thử ma túy và 03 sim số 0967.155.046, 0966.202.096 và 0869.808.528.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động. Trả lại cho bị cáo Lò Văn H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/8/2024).

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) của Lường Văn T và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của Lù Văn T.

Ghi nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu trao trả chiếc xe ô tô BKS: 26C-100.15 kéo theo sơ mi rơ móc BKS: 88R-008.82 và các giấy tờ liên quan cho anh Dương Hữu B quản lý, sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Trung D, Lù Văn T phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho các bị cáo Lương Văn T và Lò Văn H.

5. Quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2024), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Sơn La;
- VKS ND tỉnh;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- THAHS;
- Chi cục THADS;
- Trại giam;
- STP tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Quỳnh